TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày: 05 – 12 – 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Trâm - Ông Lê Huỳnh Sinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2023/TLST-DS ngày 14/4/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS ngày 13/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/QDST-DS ngày 09/11/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ánh T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khu phố B, phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khu phố A, phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu phố F, phường P, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khu phố A, phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

2. Bà Đinh Hồ Hương T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số B Y, khu phố C, phường M, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Năm 2008 bà Trần Thị Mỹ H có đến gặp bà Huỳnh Thị Ánh T và nói với bà T có 01 người bạn cần tiền, thế chấp sổ nhà để vay số tiền 40.000.000 đồng. Bà T có nói với bà H về nói người muốn vay tiền phải cung cấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy xác nhận vay nợ. Việc bà H đến gặp người vay tiền để trao đổi làm việc như thế nào thì bà T không biết. Sau đó, bà H có đưa cho bà T 01 sổ nhà, 01 giấy chứng minh nhân dân photo và 01 giấy xác nhận vay nợ tên Phạm Ngọc H1. Khi nhận toàn bộ giấy tờ bà H đưa thì bà T có đưa cho bà H số tiền 40.000.000 đồng để cho ông H1 vay; còn bà T thì giữ toàn bộ giấy tờ sổ nhà để làm tin. Bà H lấy các giấy tờ này ở đâu thì bà T không biết. Theo giấy vay tiền ngày 30/11/2008 thì sau 01 tháng ông H1 trả lại tiền thì bà T sẽ trả sổ nhà cho ông H1. Khi bà H đặt vấn đề ông H1 cần vay tiền thì giữa bà T và bà H có thỏa thuận lãi cho vay là 5%/tháng của số tiền 40.000.000 đồng. Bà T đã giao đủ số tiền 40.000.000 đồng cho bà H, còn việc bà H có giao số tiền này cho ông H1 hay không thì bà T không biết. Tại thời điểm bà T cho vay và đưa tiền, bà T không biết ông H1 là ai mà mọi giao dịch đều thông qua bà H. Vì giữa bà H và ông H1 có quen biết nhau, còn bà T thì không biết ông H1. Việc bà T cho ông H1 vay tiền là thông qua bà H, bà H với bà T là chỗ chị em làm ăn lâu năm với nhau nên bà T rất tin tưởng bà H. Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 thì bà T chỉ biết bà H mang về cho bà T kèm theo bản photo giấy chứng minh nhân dân của ông H1, còn giấy vay tiền do ai viết hay viết từ khi nào và viết tại đâu thì bà T không biết. Quá 01 tháng theo giấy vay tiền nhưng ông H1 không trả tiền cho bà T, bà T và bà H có đến nhà ông H1 để đòi nợ. Bà T đứng ở bên ngoài, còn bà H thì vào nhà làm việc với ông H1. Từ đó đến nay, ông H1 chưa trả cho bà T đồng nào kể cả tiền gốc và tiền lãi.

Hiện bà T đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Phạm Ngọc H1 cấp ngày 19/3/2004; nhưng bà T không biết lý do tại sao năm 2010 ông H1 lại được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà T xác nhận việc bà T cho ông Phạm Ngọc H1 vay tiền là thông qua bà H, bà T không trực tiếp giao tiền cho ông H1, không trực tiếp chứng kiến ông H1 viết giấy vay tiền. Bà T không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của ông H1 tại Giấy vay tiền ngày 30/11/2008.

Nay bà Huỳnh Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ngọc H1 trả cho bà T số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 12/2008 đến ngày 30/4/2023 lãi suất 01%/tháng với số tiền 79.800.000 đồng. Tổng cộng là 119.800.000 đồng; Yêu cầu ông Phạm Ngọc H1 giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 654648 do Ủy ban nhân dân thành phố P – T cấp ngày 29/7/2010 cho bà T giữ khi nào ông H1 trả tiền thì bà T sẽ trả Giấy chứng nhận cho ông H1.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Ngọc H1 trình bày: Năm 2008, khoảng thời gian tháng 10 ông phát hiện mất giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đứng tên vợ chồng ông. Vì nghi ngờ con trai ông tên Phạm Ngọc Chí T2 lấy (lúc này bà T3 đi nước ngoài làm ăn không có mặt tại nhà). Sau

khi gặn hỏi nhiều lần, con ông thừa nhận do thua độ đá banh với ông Lê Tự C (tức S Đại ca) ở P số tiền 2.000.000 đồng nhưng không có tiền trả. Do sợ ông C sẽ xử theo luật xã hội đen nên đã lấy sổ đỏ của ông thế cho ông C rồi tìm cách trả nợ sau. Ngày 28/10/2008 ông đến nhà ông C để tìm hiểu sự việc. Ông C thừa nhận việc con ông có thế chấp sổ đỏ của ông vì nợ tiền cá độ đá banh. Ông đặt vấn đề cho ông trả nợ để lấy sổ về thì ông C trả lời sổ đỏ hiện ông C đã thế chấp để lấy tiền trang trải vì nhiều người thiếu nợ ông nhưng chưa trả. Ông C hẹn 01 – 02 tháng sau mới lấy sổ đỏ về và cho ông chuộc lại. Trước sự việc như vậy, ông đã viết giấy xác nhận việc con ông thiếu nợ và thế chấp sổ đỏ cho ông C, yêu cầu vợ chồng ông C ký xác nhận để ông làm bằng chứng. Sau 01 - 02 tháng ông đã nhiều lần liên lạc với ông C để chuộc lại sổ nhưng ông C viện nhiều lý do không thực hiện. Một thời gian sau ông không nhớ cụ thể bà H ở phường T đến nhà ông nhiều lần đề nghị ông phối hợp đòi nợ ông C vì bà H chỉ biết ông C dùng sổ đỏ của ông thế chấp 40.000.000 đồng nhưng không trả. Ông trả lời ông không vay nợ nên không đòi giúp được, ông yêu cầu bà H cho xem sổ đỏ thì bà từ chối và nói bà đã mang thế chấp cho người khác. Thấy tình hình như vậy, ông xác định sổ đỏ của ông đã bị người khác chiếm đoạt, không xác định được ai là người đang chiếm giữ, ông đã làm thủ tục xin cấp lại sổ mới và tháng 07/2010 đã được giải quyết cấp lại.

Đến tháng 4/2023 ông làm thủ tục xin cấp đổi sổ mới và làm các thủ tục để vay tiền Ngân hàng thì được thông báo năm 2013, bà T và bà H đã làm đơn tố cáo ông lừa đảo; Văn phòng đăng ký và quản lý sử dụng đất đã hướng dẫn bà T đến Tòa án khởi kiện ông.

Ông khẳng định từ trước đến nay ông không quen biết bà Huỳnh Thị Ánh T và cũng không biết bà T là ai, còn bà H thì ông có biết trong công việc đã hơn 10 năm nay. Do con trai ông nợ tiền cá độ đá banh của ông Lê Tự C nên con trai ông đã lấy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của ông để thế chấp cho vợ chồng ông C bà T1. Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 do bà T cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký, chữ viết của ông. Giấy vay tiền do ai viết thì ông không biết. Từ trước đến nay, ông chưa bao giờ nhận được số tiền nào từ bà Đinh Hồ Hương T1 hay bà Huỳnh Thị Ánh T. Ông xác nhận ông không vay số tiền 40.000.000 đồng của bà T hay là của bà H gì hết. Ông không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của ông tại Giấy vay tiền ngày 30/11/2008. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh T thì ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H trình bày: Bà và bà Huỳnh Thị Ánh T là chỗ bạn bè làm ăn lâu năm với nhau, còn ông Phạm Ngọc H1 thì bà quen biết đã hơn 10 năm nay. Ông H1 không trực tiếp đến gặp bà để nhờ vay tiền, mà bà Đinh Hồ Hương T1 mang giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của ông H1 đến gặp bà để nhờ bà vay tiền cho ông H1. Lý do bà nhận tiền của bà Huỳnh Thị Ánh T vì bà T1 mang Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 19/3/2004 của ông Phạm Ngọc H1 đến gặp bà và hỏi bà có ai thế chấp sổ đỏ không thì thế giùm cho ông H1 do ông H1 là Công an nên ngại đi thế chấp đồng thời tại thời điểm đó vợ ông H1 là bà Nguyễn Thị Thanh T4 đang ở nước ngoài nên một mình

ông H1 không thể đứng ra vay Ngân hàng được. Bản thân bà có quen biết lâu năm với bà T nên bà mới đến gặp bà T để hỏi vay tiền giùm cho ông H1.

Bà thừa nhận bà là người trực tiếp nhận số tiền 40.000.000 đồng của bà T, sau đó bà đã giao toàn bộ số tiền này cho bà T1 và bà T1 đưa cho bà G vay tiền ngày 30/11/2008, bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ngày 19/3/2004 của ông H1 và bản photo chứng minh nhân dân của ông Phạm Ngọc H1. Còn việc bà T1 có giao tiền cho ông H1 hay không thì bà không biết. Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 có phải do ông H1 tự viết hay không thì bà cũng không biết hoặc ai là người viết thì bà cũng không biết. Bà chỉ biết toàn bộ giấy tờ là do bà T1 đưa cho bà, khi bà hỏi giấy tờ ở đâu mà có thì bà T1 nói do ông H1 đưa. Do thời gian lâu quá mà không thấy ông H1 trả tiền nên bà và bà T đã nhiều lần đến nhà ông H1 để yêu cầu ông H1 trả nợ nhưng ông H1 cứ hẹn nhiều lý do và đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Hồ Hương T1 trình bày: Bà không biết bà Huỳnh Thị Ánh T là ai; còn bà Trần Thị Mỹ H trước đây là hàng xóm của bà, còn ông Phạm Ngọc H1 thì có quen biết với chồng bà là ông Lê Tự C, bà chỉ biết ông H1 qua chồng bà. Bà thừa nhận Giấy xác nhận ngày 28/10/2008 là chữ ký, chữ viết của vợ chồng bà, lúc đó chồng bà đi đâu về đưa cho bà tờ giấy bảo bà ký thì bà ký chứ bà không đọc nội dung tờ giấy viết những gì. Chồng bà có đưa sổ đỏ của ông H1 cho bà và nói bà sang nhà bà H hỏi có ai thế chấp được không, bà cầm sang nhà bà H hỏi thì bà H trả lời là "để có gì bà H hỏi bà T" nhưng sau đó bà H cũng không trả lời với bà, còn việc bà H có trả lời với chồng bà hay ông H1 hay không bà không biết. Việc con trai ông H1 nợ tiền chồng bà 2.000.000 đồng và đã trả chưa thì bà không biết cũng như việc con trai ông H1 thế chấp sổ đỏ của ông H1 với chồng bà như thế nào bà cũng không biết chỉ nghe chồng bà nói lại. Từ trước đến nay, bà không nhận bất kỳ số tiền nào của bà H kể cả số tiền 40.000.000 đồng bà H nói đã đưa cho bà. Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 đứng tên ông Phạm Ngọc H1 mà Tòa án đưa cho bà xem thì bà khẳng định đây là lần đầu tiên bà nhìn thấy, từ trước đến nay bà chưa thấy giấy vay tiền này bao giờ. Bà khẳng định bà không nhận số tiền 40.000.000 đồng của bà H và bà cũng không giao giấy tờ gì cho bà H, bà cũng chưa bao giờ giao số tiền nào cho ông H1; còn việc giữa chồng bà với ông H1, bà H có trao đổi tiền bạc như thế nào bà không biết. Cách đây khoảng 02 tháng, bà T và bà H có đến nhà gặp bà và kể lại việc hai bà đã nhiều lần đến nhà gặp ông H1 để đòi nợ, ông H1 cũng hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Bà T và bà H nhờ bà đến Tòa làm chứng về việc ông H1 vu khống chồng bà lấy trộm sổ đỏ của ông H1 để thế chấp cho bà T, bà T nói là có nhân chứng để chứng minh việc ông H1 vu khống chồng bà lấy trộm nên bà đồng ý làm chứng về việc ông H1 vu khống chồng bà lấy trộm sổ đỏ vì giờ chồng bà đã mất nên không thể vu oan cho chồng bà được, còn việc liên quan đến số tiền 40.000.000 đồng thì bà không biết vì bà không nhận tiền của bà H. Bà khẳng định bà không liên quan gì đến số tiền 40.000.000 đồng bà T khởi kiện, bà không nhận tiền từ bà H và bà cũng không giao tiền gì cho ông H1. Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 bà không biết ở đâu mà có, bà không giao bất kỳ giấy tờ gì cho bà H theo như lời trình bày của bà H. Vụ vay mượn tiền bạc này có chồng bà tham gia

hay không thì chỉ có chồng bà biết chứ bà không biết gì hết và cũng không liên quan gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Hồ Hương T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đinh Hồ Hương T1 là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác đinh quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc H1 trả số tiền gốc và lãi theo Giấy vay tiền ngày 30/11/2008; Yêu cầu ông Phạm Ngọc H1 giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 654648 do Ủy ban nhân dân thành phố P – T cấp ngày 29/7/2010 cho bà T giữ khi nào ông H1 trả tiền thì bà T sẽ trả Giấy chứng nhận cho ông H1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" được quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú tại khu phố F, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về luật nội dung áp dụng: Giấy vay tiền được ký kết ngày 30/11/2008 vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực được quy định tại các Điều 471, 472, 473, 474, 475 tương ứng với các Điều 463, 464, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Hồ Hương T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy báo tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt; Điều này chứng tỏ bà T1 đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu

thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Hồ Hương T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2008 đến ngày 30/4/2023 theo lãi suất 01%/tháng với số tiền 79.800.000 đồng. Tổng cộng là 119.800.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh T cung cấp cho Tòa án các giấy tờ gồm: Bản chính Giấy vay tiền đề ngày 30/11/2008 (BL 22); Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070536 do Ủy ban nhân dân tỉnh N cấp ngày 19/3/2004 (BL 20, 21); Bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc H1 (BL 05).

Xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2023 (BL 34), tại biên bản đối chất ngày 02/8/2023 (BL 45) và tại biên bản hòa giải ngày 12/10/2023 (BL 56) nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh T xác nhận bà không quen biết ông Phạm Ngọc H1, việc bà cho ông H1 vay số tiền 40.000.000 đồng đều thông qua bà Trần Thị Mỹ H, bà không trực tiếp giao tiền cho ông H1 mà đưa qua cho bà H; không trực tiếp chứng kiến ông H1 viết giấy vay tiền ngày 30/11/2008 và ông H1 cũng không trực tiếp giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070536 cấp ngày 19/3/2004 cho bà giữ. Các giấy tờ trên đều do bà H giao cho bà do đó bà không biết giấy vay tiền ngày 30/11/2008 do ai viết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị Mỹ H thừa nhận bà là người trực tiếp nhận số tiền 40.000.000 đồng của bà T nhưng sau đó bà đã giao toàn bộ số tiền trên cho bà Đinh Hồ Hương T1; việc bà T1 có giao số tiền 40.000.000 đồng cho ông H1 hay không thì bà không biết; Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 có phải do ông H1 viết hay không bà cũng không biết.

Bị đơn ông Phạm Ngọc H1 trình bày vào năm 2008 ông phát hiện bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070536 cấp ngày 19/3/2004 cho vợ chồng ông bị mất, lý do thất lạc là do con trai ông là Phạm Ngọc Chí T2 thua tiền cá độ đá banh nên đã lấy thế chấp cho vợ chồng ông Lê Tự C và bà Đinh Hồ Hương T1; lời trình bày của ông phù hợp với lời khai của bà Đinh Hồ Hương T1 (BL 33), lời khai của anh Phạm Ngọc Chí T2 (BL 36) và Giấy xác nhận ngày 28/10/2008 (BL 27). Bị đơn ông H1 thừa nhận không biết bà T là ai, không có vay tiền của bà T, giấy vay tiền ngày 30/11/2008 không phải do ông viết; chữ viết và chữ ký trong Giấy vay tiền không phải của ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2023, bà Đinh Hồ Hương T1 xác nhận bà không nhận bất kỳ số tiền nào của bà Trần Thị Mỹ H kể cả số tiền 40.000.000 đồng và không giao tiền gì cho ông H1. Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 bà không biết ở đâu mà có và bà cũng không giao bất kỳ giấy tờ gì cho bà H; số tiền 40.000.000 đồng mà bà T khởi kiện không liên quan gì đến bà (BL 33).

Tại biên bản đối chất ngày 02/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án bà Đinh Hồ Hương T1 vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành đối chất

giữa bà T1 với bà T, ông H1, bà H liên quan đến số tiền vay 40.000.000 đồng (BL 45).

Khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định*: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…."Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh T căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 30/11/2008; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070536 cấp ngày 19/3/2004 và Giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Ngọc H1 để khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ. Tuy nhiên, bị đơn ông H1 không thừa nhận việc vay mượn tiền của bà T, chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 không phải của mình, nguồn gốc giấy vay tiền không biết từ đâu mà có… Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho các đương sự biết về việc yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại Giấy vay tiền ngày 30/11/2008 có phải do bị đơn viết và ký hay không để từ đó xác định bị đơn có vay tiền của bà T không; tuy nhiên các đương sự đều từ chối và không yêu cầu giám định. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 119.800.000 đồng (trong đó; Nợ gốc 40.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 30/12/2008 đến ngày 30/4/2023 lãi suất 01%/tháng với số tiền 79.800.000 đồng).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc H1 giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 654648 cấp ngày 29/7/2010 cho nguyên đơn giữ, khi nào bị đơn ông H1 trả tiền thì nguyên đơn sẽ trả Giấy chứng nhận cho ông H1.

Xét thấy: Việc yêu cầu bị đơn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là để đảm bảo cho nghĩa vụ trả khoản nợ 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 30/11/2008. Tuy nhiên, yêu cầu trả số tiền nợ gốc và nợ lãi của nguyên đơn không được chấp nhận nên yêu cầu này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí với lý do là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6; khoản 3, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 92, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh T đối với bị đơn ông Phạm Ngọc H1.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ánh T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Hồ Hương T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Nguyễn Thanh Thảo